

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2024/KDTM-ST
Ngày 27-6-2024
V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thụy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn.

2. Ông Tô Văn Nhung.

- **Thư ký phiên tòa:** ông Trần Hồng Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Vào ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 31/2024/TLST-KDTM ngày 01 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 28/2024/QĐXXST-KDTM ngày 20 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2024/QĐST-KDTM ngày 07/6/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty TNHH G; trụ sở: lô M, đường L, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: ông Vương Đức T, sinh năm 1986; địa chỉ: km A, quốc lộ A, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 27/02/2024), có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- **Bị đơn:** Công ty TNHH N; trụ sở: số A đường T, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Vương Đức T trình bày:

Ngày 01/9/2022, Công ty TNHH G (gọi tắt là Công ty G) và Công ty TNHH N (gọi tắt là Công ty N) đã ký Hợp đồng mua bán số 02/2023-LC&KHL về việc Công ty G bán các loại gỗ cho Công ty N, về quy cách, đơn giá theo từng lần đặt hàng, thời hạn thanh toán là 30 ngày kể từ ngày nhận hóa đơn (bao gồm thuế VAT).

Vào tháng 9/2023 và tháng 10/2023 Công ty G đã giao cho Công ty N 158.080m³ gỗ dương xẻ theo phiếu xuất hàng ngày 22/9/2023, 26/9/2023, 04/10/2023 và 06/10/2023, bị đơn có ký nhận hàng, tổng giá trị 1.143.866.880 đồng (bao gồm thuế VAT theo hóa đơn số 361 ngày 12/10/2023). Tuy nhiên, Công ty N không thanh toán cho Công ty G CHUEN số tiền trên, mặc dù Công ty G nhiều lần nhắc nhở yêu cầu Công ty N thanh toán tiền còn nợ nhưng vẫn không có kết quả.

Vì vậy, Công ty G yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty N thanh toán số tiền còn thiếu là 1.143.866.880 đồng và tiền lãi do chậm nghĩa vụ thanh toán tạm tính từ ngày 01/12/2023 đến ngày 29/02/2024 trên mức lãi suất 01%/tháng là 34.316.006 đồng. Tuy nhiên, quá trình tố tụng nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu về tiền lãi chậm thanh toán, cụ thể chỉ yêu cầu tiền lãi tính từ ngày Tòa án thụ lý vụ án ngày 01/4/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm 27/6/2024 trên mức lãi suất 0,83%/tháng (10%/năm) là 26.181.523 đồng.

- Đối với bị đơn công ty TNHH N:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt cho Công ty N thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời yêu cầu Công ty N có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty G nhưng Công ty N không có ý kiến cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ và vắng mặt không có lý do.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng không chấp hành theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện bị đơn, bị đơn có trụ sở tại số A đường T, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương phải trả số tiền mua hàng còn nợ nên đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương được quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã triệu tập bị đơn tham gia phiên tòa vào ngày 07/6/2024 và ngày 27/6/2024 nhưng vắng mặt không có lý do. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không cung cấp bất cứ chứng cứ gì. Vì vậy, bị đơn phải gánh chịu hậu quả do việc không cung cấp chứng cứ theo quy

định tại Điều 96 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

[4] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Hợp đồng mua bán số 02/2023-LC&KHL ngày 01/9/2022 được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn có những nội dung không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực và phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

Về tiền mua hàng: thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã bán cho bị đơn loại gỗ dương xẻ, về quy cách, số lượng, đơn giá và thành tiền được thể hiện cụ thể theo phiếu xuất hàng ngày 22/9/2023, 26/9/2023, 04/10/2023 và 06/10/2023 và được bị đơn ký nhận hàng. Căn cứ vào các phiếu xuất hàng, nguyên đơn xuất hóa đơn giá trị gia tăng tổng số tiền 1.143.866.880 đồng. Sau khi xuất hóa đơn giá trị gia tăng, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ nhưng bị đơn không thanh toán. Đồng thời, nguyên đơn khởi kiện, bị đơn cũng không có ý kiến gì về việc đồng ý thanh toán số tiền còn nợ hay không là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại các Điều 50, 55 Luật Thương mại, cho nên yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

Về tiền lãi chậm thanh toán: nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền lãi 26.181.523 đồng, tính từ ngày thụ lý 01/4/2024 đến ngày xét xử 27/6/2024, mức lãi suất 0,83%/tháng (10%/năm) đối với số tiền 1.143.866.880 đồng. Căn cứ vào biểu lãi suất do Ngân hàng N1, Ngân hàng TMCP N2, Ngân hàng TMCP C cung cấp thì mức lãi suất trung bình của 03 ngân hàng là 10,16%/năm. Tuy nhiên, nguyên đơn chỉ yêu cầu tính mức lãi suất là 10%/năm là thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường ở địa phương và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ những phân tích nêu trên, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 50, Điều 51 và Điều 306 của Luật Thương mại; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH G đối với Công ty TNHH N về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Buộc Công ty TNHH N có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH G với tổng số tiền 1.170.048.403 đồng (một tỷ một trăm bảy mươi triệu không trăm bốn mươi tám nghìn bốn trăm lẻ ba đồng); trong đó tiền nợ gốc là 1.143.866.880 đồng (một tỷ một trăm bốn ba mươi triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn tám trăm tám mươi đồng) và tiền lãi chậm trả là 26.181.523 đồng (hai mươi sáu triệu một trăm tám mươi một nghìn năm trăm hai mươi ba đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH N phải chịu 47.101.452 đồng (bốn mươi bảy triệu một trăm lẻ một nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng). Trả lại cho Công ty TNHH G 23.672.743 đồng (hai mươi ba triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm bốn mươi ba đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004519 ngày 12/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố Dĩ An (01);
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thụy

